



CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CARBON Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ KIM THU

Bước vào thế kỷ XXI, trước những diễn biến cực đoan của khí hậu, việc từ bỏ dần nền kinh tế “nâu” để chuyển sang nền kinh tế “xanh”, ứng xử thân thiện với môi trường là yêu cầu tất yếu với các quốc gia. Năm bất xu thế đó, các thị trường tài chính đã nhanh chóng đưa ra nhiều công cụ tài chính tương ứng. Tín chỉ carbon được coi là một công cụ chính để giảm phát thải khí nhà kính và có tiềm năng phát triển nhanh chóng về thị phần giao dịch cũng như các tổ chức tham gia.

Từ khóa: Thị trường carbon, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững

DEVELOPING CARBON MARKET IN VIETNAM: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES

Nguyen Thi Kim Thu

On the threshold of the 21st century, there has been a shift from a “brown” economy to a “green” economy that is environmentally friendly is inevitable for countries to respond to the extreme climate changes. Financial markets have quickly introduced various corresponding financial instruments. Carbon credits are considered a primary tool to reduce greenhouse gas emissions and have the potential for rapid growth in trading volume and participating organizations.

Keywords: Carbon market, environmental protection, sustainable development

Ngày nhận bài: 9/7/2024

Ngày hoàn thiện biên tập: 16/7/2024

Ngày duyệt đăng: 23/7/2024

Cơ hội từ phát triển thị trường tín chỉ carbon

Trong nỗ lực hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, một thuật ngữ mới nổi lên và thu hút sự quan tâm của các chuyên gia đến từ nhiều lĩnh vực, đó là tín chỉ carbon. Tín chỉ carbon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một lượng khí CO₂ hoặc một lượng khí nhà kính khác quy đổi sang CO₂ tương đương. Một tín chỉ tương đương với 1 tấn CO₂ hoặc 1 tấn CO₂ quy đổi tương đương có thể được giảm thiểu hoặc hấp thụ khỏi bầu khí quyển, thông qua việc sử dụng hiệu quả năng lượng hoặc thực hiện các dự án cải thiện môi trường.

Từ sau Hội nghị COP 26, thuật ngữ tín chỉ carbon

và thị trường tín chỉ carbon được đưa vào các chương trình nghị sự của Quốc hội, Chính phủ, các diễn đàn khoa học và trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Việt Nam.

Tuy nhiên, trên thế giới, thị trường carbon đã bắt đầu khi Nghị định thư Kyoto của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu được thông qua vào năm 1997. Từ đó, trên thị trường thế giới đã xuất hiện một loại hàng hóa mới là các chứng chỉ giảm/hấp thụ phát thải khí nhà kính. Do carbon (CO₂) là khí nhà kính quy đổi tương đương của mọi khí nhà kính nên các giao dịch được gọi chung là mua bán, trao đổi carbon, hình thành nên thị trường carbon hay thị trường tín chỉ carbon.

Các quốc gia có dư thừa quyền phát thải được bán cho hoặc mua từ các quốc gia phát thải nhiều hơn hoặc ít hơn mục tiêu cam kết. Với công nghệ và kỹ thuật hiện đại, Chính phủ các quốc gia, các tổ chức kiểm định quốc tế có đủ thẩm quyền để hiện thực hóa khả năng đo lường lượng carbon tiêu thụ của mỗi dự án, doanh nghiệp (DN). Các dự án được đánh giá bởi các cơ quan kiểm định về khả năng tiết kiệm và hấp thụ khí thải, và được trao cho một lượng tín chỉ carbon tương ứng.

Cùng với những quyết tâm trong việc đặt ra giới hạn cho lượng phát thải theo từng ngành của các chính phủ, điều này đã tạo ra nhu cầu về một thị trường mà tại đó, các DN không thể giảm thiểu lượng phát thải của mình có thể tìm mua các tín chỉ carbon để đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, trong khi các DN có mức phát thải thấp có thể kiếm được lợi nhuận từ việc bán tín chỉ carbon dư thừa. Việc thành lập thị trường tín chỉ carbon tạo ra những tác động tích cực tới cả hai khía cạnh là môi trường và kinh tế.



Về mặt môi trường, các DN buộc phải tìm cách nâng cao hiệu quả môi trường nếu không muốn tăng chi phí, từ đó tạo động lực cho tăng trưởng xanh. Tín chỉ carbon cũng là cách để DN chứng minh cho nhà đầu tư và khách hàng thấy các cam kết về mục tiêu phát triển bền vững của mình. Về mặt kinh tế, tín chỉ carbon có thể là nguồn tài chính quan trọng hỗ trợ DN trong quá trình chuyển đổi từ công nghệ “nâu” sang công nghệ “xanh”. Tín chỉ carbon cũng tạo động lực và lợi nhuận cho các DN, từ đó góp phần phát triển kinh tế xanh.

Trong tương lai, nhu cầu về tín chỉ carbon sẽ còn tăng mạnh khi các DN trên thế giới đưa ra mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm, hoặc sẽ sử dụng tín chỉ carbon để khắc phục những ô nhiễm mà họ không thể loại bỏ. Tính đến năm 2023, có 66% DN hàng đầu thế giới thuộc Fortune Global 500 đã đưa ra những cam kết mạnh mẽ về mục tiêu môi trường; có 39% trong số họ có những mục tiêu xa hơn và dự kiến đạt được mức phát thải 0 (net zero) trong tương lai, khi lượng phát thải hàng năm mà họ tạo ra sẽ hoàn toàn được triệt tiêu thông qua các tín chỉ carbon (Climate Impact Partners, 2023). Điều này tạo ra một nguồn cầu lớn về tín chỉ carbon trong tương lai. Trong lộ trình giảm phát thải ròng về mức 0 (Net Zero) đến năm 2050 của Việt Nam, nguồn tài chính bền vững cho quá trình này không chỉ đến từ khu vực công - tư mà còn đến từ thị trường tín chỉ carbon.

Biến đổi khí hậu đã làm Việt Nam trở thành một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất. Theo kịch bản, khi mực nước biển dâng thêm 1 mét tương đương với 5% diện tích đất đai của Việt Nam sẽ có thể bị mất. Đặc biệt, hiện tượng xói lở ven sông, ven biển, sụt lún ngày càng nghiêm trọng.

Trong 10 năm qua, tốc độ sụt lún trung bình ở Đồng bằng sông Cửu Long nhanh hơn gấp từ 3 đến 10 lần so với nước biển dâng, làm cho vùng này chìm dần do cả sụt lún đất và nước biển dâng. Khi nhiệt độ toàn cầu tăng lên 1,5°C và 2°C thì thiệt hại trực tiếp lên GDP Việt Nam sẽ tương ứng là 4,5% và 6,7%, thậm chí cộng thêm các thiệt hại gián tiếp khác con số lên tới 30% vào năm 2050.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam ngày càng quan tâm đến vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu với cam kết mạnh mẽ trước cộng đồng quốc tế về nền kinh tế “Net Zero” khí thải nhà kính vào năm 2050 tại COP26. Để giải quyết vấn đề thiếu hụt nguồn lực cho tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu phát triển thị trường tín chỉ carbon sẽ là một trong những ưu tiên cần thực hiện ngay.

Trong mục tiêu chung hướng đến phát thải ròng

về mức “Net Zero” vào năm 2050, Việt Nam hiện xây dựng thị trường tín chỉ carbon, dự kiến thí điểm từ năm 2025, hoàn thiện khung pháp lý vào năm 2027 và vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon từ năm 2028. Đây là thị trường tín chỉ carbon mang yếu tố bắt buộc. Điều này nghĩa là các DN sẽ bị kiểm soát việc phát thải khí nhà kính, nếu xả thải nhiều hơn hạn ngạch đặt ra thì có thể mua thêm tín chỉ carbon trên thị trường bắt buộc, hoặc một phần nhỏ từ thị trường tự nguyện để bù trừ.

Việc xây dựng và vận hành thị trường tín chỉ carbon trong nước sẽ giúp Việt Nam nắm bắt được những cơ hội trong việc giảm phát thải carbon một cách hiệu quả, tăng khả năng tương thích với các cơ chế định giá tín chỉ carbon quốc tế, tạo cơ hội liên kết với thị trường tín chỉ carbon trên thế giới và trong khu vực, tăng tính cạnh tranh của các sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Thị trường tín chỉ carbon sẽ giúp Việt Nam hưởng lợi tối đa từ thương mại quốc tế, ví dụ như Hiệp định tự do thương mại EU - Việt Nam. Thị trường tín chỉ carbon cũng sẽ giúp Việt Nam tăng khả năng thu hút vốn đầu tư từ các DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), cũng như tăng khả năng cạnh tranh xuất khẩu, nhất là xuất khẩu vào các thị trường khó tính có sự quan tâm cao tới bảo vệ môi trường như Liên minh châu Âu hay Hoa Kỳ.

Thị trường tín chỉ carbon tự nguyện ở Việt Nam đã hoạt động từ năm 2008 khi triển khai các Dự án Cơ chế phát triển sạch (CDM) theo Nghị định thư Kyoto, gần đây là một số dự án hợp tác với đối tác quốc tế để trao đổi tín chỉ phát thải như Thỏa thuận Chi trả giảm phát thải từ rừng vùng Bắc Trung Bộ (ERPA), Dự án khí sinh học trong chăn nuôi...

Trong những năm qua, một số thương vụ “bán không khí thu kinh phí” của Việt Nam đã thực hiện thành công với giá trị lên đến khoảng 60 triệu USD, mang lại lợi ích cho cả người dân lẫn DN cũng như có nguồn tài chính để tái đầu tư cho ngành.

Chương trình Khí sinh học ngành chăn nuôi Việt Nam đã triển khai tại 53 tỉnh, đã bán được gần 3,1 triệu tín chỉ carbon (tương đương 3,1 triệu tấn CO₂), thu về 8,1 triệu USD và đến nay đã có 181.683 công trình khí sinh học được xây dựng đã đem lại lợi ích cho 1 triệu người dân ở khu vực nông thôn. Đặc biệt, năm 2023, với 2% diện tích trồng rừng vượt mức kế hoạch, lần đầu tiên Việt Nam đã bán thành công 10,3 triệu tín chỉ carbon rừng (10,3 triệu tấn CO₂) thông qua Ngân hàng Thế giới (WB) với đơn giá 5 USD/tấn, thu về 51,5 triệu USD (khoảng 1.250 tỷ đồng)...

Đầu tháng 8/2023, Ngân hàng Thế giới đã thanh



toán tiền Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính Bắc Trung Bộ (ERPA) đợt 1 cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là 41,2 triệu USD (tương đương 997 tỷ đồng), đạt 80% kết quả giảm phát thải theo ERPA đã ký. Số tiền còn lại 10,3 triệu USD (tương đương 249 tỷ đồng) sẽ thanh toán sau khi hoàn thành việc chuyển giao 10,3 triệu tấn CO₂. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đã tiếp nhận số tiền thanh toán đợt 1 từ WB và giải ngân toàn bộ để các tỉnh khẩn trương lập kế hoạch chi trả cho các chủ rừng thuộc 6 tỉnh Bắc Trung Bộ, trong đó Nghệ An được giải ngân hơn 282 tỷ đồng, Quảng Bình hơn 235 tỷ đồng, Thanh Hóa 162 tỷ đồng, Hà Tĩnh 122 tỷ đồng, Thừa Thiên Huế 107 tỷ đồng và Quảng Trị hơn 51 tỷ đồng.

Theo kế hoạch, nguồn tiền trên sẽ chi trả cho các chủ rừng, UBND cấp xã và tổ chức... được giao trách nhiệm quản lý rừng tự nhiên. Ngoài ra, một phần tiền chi cho các nhóm khác có hoạt động liên quan đến phát triển và giảm mất rừng, suy thoái rừng, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng.

Việt Nam thuộc số các quốc gia dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng phát thải carbon, với tốc độ tăng trưởng 2010 - 2022 đạt 57,3%, thuộc top 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng phát thải carbon cao nhất thế giới; nhóm ngành năng lượng và công nghiệp (đốt cháy công nghiệp) chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng cơ cấu phát thải carbon của Việt Nam 12 năm qua. Tuy nhiên, Việt Nam cũng là một trong những quốc gia có tiềm năng lớn về nguồn cung ứng tín chỉ carbon. Từ chăn nuôi, trồng trọt, trồng rừng đều có triển vọng chuyển hướng sang canh tác, sản xuất giảm phát thải khí nhà kính, với các giải pháp sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái.

Nước ta có tiềm năng lớn về carbon rừng với tổng diện tích rừng khoảng 14,7 triệu ha, độ che phủ rừng 42%. Ước tính bình quân mỗi năm rừng tạo ra khoảng 50 - 70 triệu tín chỉ carbon rừng dôi dư, tạo nguồn thu lên đến hàng nghìn tỷ đồng nếu xuất khẩu thành công cho các DN, tổ chức quốc tế, kỳ vọng mang lại lợi ích kinh tế cao cho Việt Nam, với giá trị dự báo tăng gần 100 lần vào năm 2050. Hay với Đề án Phát triển bền vững 1 triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, khi áp dụng các biện pháp kỹ thuật, mỗi hecta lúa có thể giảm từ 5 - 10 tấn khí thải carbon mỗi năm, tương đương với 5 - 10 tín chỉ, thu lợi 50 - 100 USD. Như vậy, nếu đạt được mục tiêu 1 triệu hecta lúa chất lượng cao, phát thải thấp, giá trị thu

được từ việc bán tín chỉ có thể lên đến 50 - 100 triệu USD mỗi năm.

Thách thức đặt ra đối với phát triển thị trường tín chỉ carbon

Trong định giá tín chỉ carbon

Tín chỉ carbon dựa trên cơ sở hoạt động phát thải khí nhà kính của DN, nếu DN thay đổi hoạt động để giảm thải thì có thể quy thành tín chỉ carbon. Song tín chỉ này phải đủ chất lượng, được xác nhận thì mới có thể thành hàng hóa để giao dịch. Nhưng vì là hàng hóa vô hình nên việc xác định chất lượng của tín chỉ carbon không hề dễ dàng. Khi thị trường nhiều bên tham gia, nhiều quy trình thì sẽ rất phức tạp. Việc đánh giá và xác minh giá trị tín chỉ carbon lại theo từng năm, vì chất lượng tài nguyên còn thay đổi tương đối theo thời gian. Cho nên mới có câu chuyện 6 tỉnh Bắc Trung Bộ bán giá 5 USD/tấn CO₂ cho WB thì cũng có một vài dự án lâm nghiệp khác bán với giá 17 USD/tấn CO₂.

Chưa kể muốn “dư thừa” hạn ngạch phát thải để đóng gói và đem bán tín chỉ carbon trên thị trường, DN phải đầu tư vào công nghệ, rồi phải tính toán xem liệu đầu tư xong thì có thể bán được tín chỉ carbon này hay không và bán với giá bao nhiêu. Vấn đề giá bán mà DN mong muốn chưa chắc đã được các bên mua đồng ý, nhưng nếu bán thấp quá thì DN lại không có động cơ để đầu tư, dễ dẫn đến cái vòng luẩn quẩn. Hiện nay, đa phần đều là dự án thí điểm, các tín chỉ carbon mang bắt buộc ở quy mô quốc gia và tín chỉ carbon tự nguyện ở một số tập đoàn, chứ chưa hình thành được thị trường mua bán.

Xác định mức xả thải

Hiện có hai hình thức để quản lý phát thải gồm: (i) Hệ thống giao dịch phát thải (ETS), cho phép người phát thải thấp hơn bán các hạn ngạch (hay tín chỉ carbon) cho những người phát thải cao hơn, giá thị trường từ đó sẽ được thiết lập; (ii) Sự can thiệp trực tiếp của chính phủ khi đánh thuế carbon đối với khí thải. Bản chất của hệ thống kiểm soát phát thải là buộc các DN phải tăng đầu tư vào công nghệ sản xuất để giảm phát thải trong dài hạn, hoặc có cơ chế để doanh nghiệp tối ưu chi phí giảm phát thải nếu khó đầu tư trong ngắn hạn.

Nhìn chung, việc xây dựng định mức phát thải tiêu chuẩn cho từng lĩnh vực, từng cơ sở là không hề dễ dàng, vì thực tế có một số ngành rất khó để đo lường lượng phát thải.



Nguồn nhân lực

Khó khăn của nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao và chuyên môn sâu về kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực kiểm kê giảm phát thải. Việt Nam thiếu trầm trọng các đơn vị đủ chức năng, tiêu chuẩn để tiến hành kiểm kê và thẩm định lượng phát thải kính. Rất nhiều đơn vị muốn thực hiện nhưng không đạt được tiêu chuẩn. Việc kiểm kê khí nhà kính phải dựa trên sự công nhận của quốc tế nên các đơn vị phải có đủ đội ngũ chuyên gia để thành lập được hội đồng để thẩm định. Chính vì thế, trong năm 2023, chúng ta còn chậm trễ việc hoàn thành Báo cáo tổng kiểm kê khí nhà kính toàn cầu lần 1 là điều không tránh khỏi.

Sự thiếu quan tâm của doanh nghiệp đối với tín chỉ carbon

DN Việt Nam hiện còn đối diện với nhiều khó khăn, do đó vẫn chưa thực sự quan tâm đến chuyện tín chỉ carbon. Song hạn chế không có nghĩa là không tham gia thị trường tín chỉ carbon bởi việc chuyển đổi xanh, chuyển đổi tuần hoàn trong thời gian tới là yêu cầu bắt buộc với Việt Nam chứ không còn là khuyến nghị.

Tất cả DN dù muốn hay không thì vẫn phải thực hiện để tham gia vào thương mại và đầu tư toàn cầu. Trong cam kết của các Hiệp định thương mại tự do hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) hay Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đã yêu cầu về sản xuất và tiêu dùng xanh, tái chế... và đây là những yêu cầu mà nhiều nhà hàng đòi hỏi nhà sản xuất Việt phải thích ứng. Từ tháng 10/2023, Liên minh châu Âu (EU) đã áp hàng rào liên quan đến thuế carbon, nếu không giảm phát thải, không thực hiện bù trừ carbon thì sản phẩm của doanh nghiệp Việt sẽ không xuất khẩu được.

Giải pháp phát triển thị trường tín chỉ carbon của Việt Nam

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế trên, thời gian tới cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế thị trường tín chỉ carbon theo hướng đồng bộ. Việt Nam đã xây dựng nhiều văn bản pháp luật quy định cơ chế hoạt động của thị trường carbon nhưng thiếu những cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy các chủ thể tham gia vào thị trường một cách tự nguyện. Do vậy, trong thời gian tới, Chính phủ cần hoàn thiện các công cụ hỗ trợ về thuế, tiếp cận tín dụng nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp tự nguyện tham gia thị trường. Công tác tổ chức quản lý và vận hành thị

trường của Việt Nam còn nhiều bất ngờ, chưa có kinh nghiệm. Trong giai đoạn tới, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ chính của từng Bộ, ngành, cần có cơ chế phối hợp giữa các đơn vị để việc điều hành thị trường được thông suốt, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy lợi thế của thị trường trong việc vừa thúc đẩy các DN đổi mới sáng tạo, sản xuất xanh, ứng dụng công nghệ ít xả thải ra môi trường; vừa giảm phát thải khí nhà kính ra môi trường, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Thứ hai, chú trọng phát triển nguồn nhân lực vận hành thị trường. Đối với các khâu quản lý kỹ thuật cần thành lập các ban kỹ thuật trực thuộc các bộ, ban ngành liên quan để tham vấn các vấn đề chuyên môn sâu về đo lường, thẩm định, kiểm toán lượng khí thải carbon nhằm thực hiện quy đổi số tín chỉ và mức hạn ngạch một cách chính xác. Đây là tiền đề rất quan trọng để định giá hàng hóa trên thị trường carbon. Sự thiếu vắng các bộ phận hỗ trợ này sẽ trở thành rào cản triển khai công cụ định giá carbon và làm tăng chi phí, thời gian giao dịch.

Thứ ba, nâng cao nhận thức, hiểu biết và sự nhập cuộc nhanh chóng của DN về thị trường tín chỉ carbon. Tín chỉ carbon là hàng hóa giao dịch không nhìn thấy được, chỉ qua giấy tờ chứng nhận thông qua tín chỉ, xã hội nói chung và DN nói riêng gần như chưa hiểu biết về thị trường này, chính vì vậy công tác truyền thông có vai trò hết sức quan trọng đối với xã hội và DN.

Việc tham gia thị trường carbon là trách nhiệm cũng là cơ hội cho các tổ chức, DN. Vì vậy, các DN cần nghiên cứu tính trước tín chỉ carbon cho DN mình, tiếp cận theo xu hướng xanh, giải quyết phát thải ra môi trường bằng cách kêu gọi đầu tư để nâng cấp dây chuyền, cải tiến công nghệ.

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Lê Minh (2024), Nghiên cứu sớm xây dựng khung pháp lý cho thị trường mua bán tín chỉ carbon tại Việt Nam, Tạp chí điện tử Pháp lý ngày 9/5;
- Trần Thị Kim Liên - Hoàng Thị Lý (2023), Xây dựng thị trường carbon ở Việt Nam với tăng trưởng xanh, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Công đoàn, số 29, tháng 3;
- Lã Việt Phương - Nguyễn Minh Hoàn (2023), Thách thức của quá trình xây dựng các tiêu chuẩn cho thị trường carbon tự nguyện, Tạp chí Kinh tế và Dự báo online, ngày 02/10/2023;
- Lưu Quốc Đạt - Nguyễn Thị Vinh Hà (2024), Kinh nghiệm quốc tế về phát triển thị trường tín chỉ carbon và bài học cho Việt Nam, Tapchiconsan.org.vn, truy cập ngày 10/6.

Thông tin tác giả:

TS. Nguyễn Thị Kim Thu - Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Email: kimthu.ktct2@gmail.com